

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày 20-5-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN – TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Quý

Bà Đặng Thị Lan Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lành Thị Thanh Nụ, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị K, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn B, xã X, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Bị đơn: Anh Nông Văn L, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Q, xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2020 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Vi Thị K trình bày: Chị và anh Nông Văn L tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, chung sống với nhau từ năm 2013, đến tháng 12 năm 2014 đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Việc kết hôn của anh chị do hai bên gia đình mai mối nhưng trên cơ sở tự nguyện, không

bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống với bố mẹ đẻ của anh Nông Văn L tại xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Do trước khi kết hôn, hai bên không được tìm hiểu nhau nên ngay sau khi về chung sống vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong cách sống và suy nghĩ, không tìm được tiếng nói chung, không có sự cảm thông, chia sẻ. Năm 2016 chị đi làm công nhân tại tỉnh B, thỉnh thoảng chị có về thăm con 1-2 ngày rồi lại đi làm. Từ tháng 6/2018 đến nay vợ chồng ly thân. Từ khi ly thân, thỉnh thoảng chị về nhà thăm con vào những ngày lễ, tết rồi đi luôn. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không liên lạc, nói chuyện với nhau, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Năm 2019 chị đã nộp đơn xin ly hôn với anh Nông Văn L. Tuy nhiên, sau đó, chị đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng từ đó đến nay, tình cảm vợ chồng vẫn không có cải thiện được. Nay, chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nông Văn L. Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nông Thị Ngọc D, sinh ngày 09/02/2015. Khi ly hôn, chị yêu cầu anh Nông Văn L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, chị có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng.

Bị đơn anh Nông Văn L trình bày: Về việc kết hôn và đăng ký kết hôn cũng như quá trình chung sống đúng như nội dung chị Vi Thị K đã trình bày. Trong quá trình chung sống, hai bên có quá nhiều bất đồng, không thể hòa giải, anh nhận thấy, tình cảm của vợ chồng đã rạn nứt, không thể hàn gắn. Nay, anh xác định không còn tình cảm với chị Vi Thị K, anh đồng ý ly hôn với chị Vi Thị K.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nông Thị Ngọc D như chị Vi Thị K trình bày. Anh nhất trí, khi ly hôn, anh là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nông Thị Ngọc D, chị Vi Thị K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng. Trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung.

Ngày 17/4/2020 anh Nông Văn L có đơn yêu cầu chị Vi Thị K trả cho anh là 5.000.000 đồng và 1,5 chỉ vàng là tài sản riêng của anh có trước khi kết hôn và 20.000.000 đồng là tiền sinh lễ ngày cưới. Tổng số tiền anh Nông Văn L yêu cầu chị Vi Thị K phải trả là 29.500.000 đồng. Tòa án đã thông báo cho anh Nông Văn L nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nhưng anh không nộp.

Tại phiên tòa chị Vi Thị K yêu cầu được ly hôn với anh Nông Văn L, anh Nông Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi trưởng thành, chị Vi Thị K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng. Anh Nông Văn L đồng ý ly hôn, đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh yêu cầu chị Vi Thị K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Anh Nông Văn L không yêu cầu chị Vi Thị K phải trả 5.000.000 đồng và 1,5 chỉ

vàng là tài sản riêng của anh, 20.000.000 đồng tiền thách cưới và không yêu cầu chia tài sản chung là một chiếc xe mô tô.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án, cụ thể như sau: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự ...Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm. Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng tài liệu chứng cứ được công khai tại phiên tòa thấy: Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị K và anh Nông Văn L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy chị Vi Thị K và anh Nông Văn L thuận tình ly hôn là có căn cứ. Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nông Thị Ngọc D, sinh ngày 09/02/2015, cháu hiện nay sống cùng bố. Khi ly hôn chị Vi Thị K và anh Nông Văn L thỏa thuận anh Nông Văn L trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Để đảm bảo đầy đủ về mọi mặt cho trẻ em phát triển toàn diện, anh Nông Văn L có điều kiện chăm sóc con chung, nên giao con chung cho anh Nông Văn L tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Vi Thị K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Vi Thị K là nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Vi Thị K và anh Nông Văn L chung sống với nhau từ năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương, ngày 19/12/2014 vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Nông Văn L và chị Vi Thị K là hợp pháp. Sau khi về chung sống được một thời gian hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được và đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Năm 2019, chị Vi Thị K nộp đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nông Văn L, sau đó, chị Vi Thị K đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ hàn gắn tình cảm nhưng không cải thiện được. Anh Nông Văn L thừa nhận vợ chồng ly thân từ năm 2018 đến nay, thỉnh thoảng chị Vi Thị K có về thăm con chung, nhưng vợ chồng không còn tình cảm. Điều đó chứng tỏ anh, chị không còn tình cảm, hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Vi Thị K yêu cầu ly hôn, anh Nông Văn L nhất trí, việc tự nguyện thuận tình ly hôn của anh chị là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử xem xét công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Vi Thị K và anh Nông Văn L.

[2] Về con chung: Chị Vi Thị K và anh Nông Văn L có 01 con chung là Nông Thị Ngọc D, sinh ngày 09/02/2015. Hiện nay con đang sống chung với anh Nông Văn L. Anh Nông Văn L và chị Vi Thị K thỏa thuận, anh Nông Văn L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung đến khi con trưởng thành. Anh Nông Văn L yêu cầu chị Vi Thị K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét thấy, bản thân chị Vi Thị K hiện nay đang đi làm công nhân mức thu nhập hơn 6.000.000 đồng/tháng, do đó việc anh Nông Văn L yêu cầu chị Vi Thị K cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng là cao. Để đảm bảo đầy đủ về mọi mặt cho trẻ em phát triển toàn diện nên giao con chung cho anh Nông Văn L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, chị Vi Thị K có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Chị Vi Thị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung. Chị Vi Thị K và anh Nông Văn L đều xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung.

[4] Trong quá trình chung sống vợ chồng không có nợ chung.

[5] Về tài sản riêng: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nông Văn L yêu cầu chị Vi Thị K phải trả cho anh 5.000.000 đồng và 1,5 chỉ vàng (tương đương với 4.500.000 đồng); yêu cầu trả số tiền 20.000.000 đồng tiền sinh lễ ngày cưới, tổng cộng là 29.500.000 đồng. Ngày 17/4/2020 Tòa án đã thông báo cho anh Nông Văn L nộp tiền tạm ứng án phí nhưng anh không nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định, ngoài ra anh còn yêu cầu chia đôi một xe mô tô là tài sản chung. Tại phiên tòa anh không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Vi Thị K là nguyên đơn và có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, các Điều 55, 57, 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng

dân sự; Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vi Thị K và anh Nông Văn L.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 55, đăng ký kết hôn ngày 19/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung: Anh Nông Văn L được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nông Thị Ngọc D, sinh ngày 09/02/2015, chị Vi Thị K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi), thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 01/6/2020. Chị Vi Thị K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ chịu lãi chậm trả: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành tại quyết định tại điểm 2 nêu trên, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại các Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Vi Thị K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con; tổng cộng 600.000 đồng để sung nộp Ngân sách Nhà nước. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Vi Thị K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0002137 ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Chị Vi Thị K phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;
- UBNDX.Q, TP L, T.Lạng Sơn;
- CCTHA DS TP Lạng Sơn, T. Lạng Sơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

Lương Thị Lan